

Bản án số: 58/2026/DS-PT

Ngày 14/4/2026

V/v Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Anh Tuấn

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:

Ông Nông Văn Đỗi – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2026/DS-PT ngày 24/02/2026 về việc “Tranh chấp lối đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Triệu Đức T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5, tỉnh Thái Nguyên – Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Triệu Quang Á, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nông Thị Lệ Q, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5, tỉnh Thái Nguyên – Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Triệu Thị T1, sinh năm 1974 - Có mặt.

2. Bà Triệu Thị P, sinh năm 1985 - Có mặt.

3. Anh Triệu Ngọc S, sinh năm 1995 - Vắng mặt.

4. Chị La Thị H1, sinh năm 1996 - Vắng mặt.

5. Bà Triệu Thị S1, sinh năm 1950 - Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

** Những người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1961;

2. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1968;

3. Ông Triệu Văn T2, sinh năm 1952;

4. Ông Hà Văn D, sinh năm 1963;

5. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1978;

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:***

Năm 2001 tôi và bố mẹ là ông Triệu Xuân L1 và bà Triệu Thị S1 có góp tiền mua chung một khu đất với ông Đào Văn L2, trên khu đất gia đình tôi mua có 01 đường đi dài khoảng 25m và rộng 2,5m sử dụng để cho bà con nhân dân trong thôn xã cùng đi, đường này có từ khoảng năm 1980. Sau khi mua bố mẹ tôi tách cho ông Á một phần đất. Năm 2011 thôn T làm được đường khác đi tránh lũ nên mọi người không còn di chuyển theo đường này. Năm 2013 khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tôi báo ông Á là tách riêng con đường này ra, thể hiện trên bản đồ nhưng ông Á bảo cứ để gộp vào phần đất của ông Á. Năm 2014 tôi đổ bê tông đoạn đường này 1,5m để đi lại dễ dàng hơn, năm 2015 ông Á phá đường bê tông để mở rộng ruộng và bảo tôi là sẽ để đường khác qua bờ ao để gia đình tôi đi. Từ đó gia đình tôi đi lại qua bờ ao trước cửa nhà ông Á cho đến tháng 4 năm 2024 thì do tranh chấp nên ông Á đã rào đường lại không cho gia đình tôi đi qua đất của nhà ông Á nữa. Từ đó đến nay gia đình tôi phải xin hàng xóm mở đường cho đi nhờ trong thời gian xảy ra tranh chấp. Con đường này có từ lâu nên tất cả mọi người trong thôn đều biết, đi lại, ô tô 5 tấn đi lại chở củi, chở gỗ thường xuyên. Ngoài con đường này gia đình tôi không còn đường khác đi, hiện xin hàng xóm đi nhờ, đường này đi lại cũng khó khăn, vòng vèo và dốc cao, trời mưa không thể đi xe máy được. Tôi xác định để đi từ nhà tôi ra đường liên thôn thì đi qua nhà ông Á là tiện nhất, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết mở cho gia đình tôi một con đường đi qua nhà ông Á để gia đình tôi có đường đi lại. Năm 2013 khi đo đạc làm sổ có ông Lưu Đình B hiện là cán bộ địa chính xã M và trưởng thôn là Hà Văn T4.

Đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của Triệu Đức T ngày 28/11/2025, ông T yêu cầu nay tôi thấy phần đi cũ trước đây ông Á đã cải tạo thành ruộng, nếu làm

đường qua sẽ ảnh hưởng đến việc canh tác của ông Á. Do vậy tôi yêu cầu ông Á cho tôi mở lối đi hợp lý qua bất động sản liền kề của ông Á tại vị trí là phần đường ông Á đã để lại cho tôi đi để thay thế đường cũ qua sân nhà và bờ ao nhà ông Á, đoạn qua sân nhà đến bờ suối rộng khoảng 02m, đoạn qua bờ ao có chiều rộng là 1,6m. Việc đền bù theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:**

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Triệu Quang Á trình bày:*

Năm 2001 bố tôi là Triệu Xuân L1 mua của Đào Văn L2 một mảnh đất, trên khu đất này không có đường đi bà con nhân dân chỉ men theo bờ suối cạnh đất của bố tôi khi có nhiều nước thì đi vào ven đất của bố tôi để tránh nước. Khoảng năm 2011 bố tôi chia đất cho hai anh em mỗi người một nửa, phần đất của tôi ở dưới phần ông T ở phía trên. Năm 2013 hai gia đình đo đạc để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thể hiện đường đi trong Giấy chứng nhận. Năm 2015 tôi thuê máy xúc san ủi phần đất của tôi để làm ruộng đến bờ suối nên gia đình ông T không đi lại nữa mà xin đi qua con đường ở bờ ao trước nhà tôi. Đến năm 2018 tôi bảo nếu đi đường này thì đổi cho tôi một phần đất của ông T nhưng ông T không đồng ý. Đầu năm 2024 có mâu thuẫn nên tôi đào bờ ao xuống sâu 1m và rào đường lại không cho gia đình ông T đi qua nữa. Ông T ra đường lớn thì đi qua đất nhà tôi là thuận tiện nhất, tuy nhiên gia đình ông T vẫn có thể đi lại qua đất của ông Trần Văn H2 và Phạm Văn T3 là con đường hiện tại ông T đang đi. Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Biên bản ghi lời khai của Triệu Quang Á ngày 01/12/2025 có nội dung: Tôi không nhất trí cho Triệu Đức T mở lối đi qua trước cửa nhà và bờ ao của tôi, Trước đây tôi cho ông T đi lại đường này nhưng do giữa tôi và ông T mâu thuẫn với nhau nên nay không cho đi nữa. Lối đi hiện nay ông T yêu cầu đi qua trước đây đoạn từ suối lên trước cửa nhà tôi là 1,8m, đoạn qua bờ ao khoảng 0,8m. Lối đi này nằm trên thửa đất số 17, tờ bản đồ 48 gia đình tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này gồm đất trồng cây lâu năm và đất ở. Đoạn qua nhà tôi là đất ở còn đoạn qua ao là đất nông nghiệp. Nếu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông T thì tôi yêu cầu ông T phải đền bù cho gia đình tôi số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Triệu Thị S1 trình bày:* Tôi là mẹ đẻ của Triệu Đức T và Triệu Quang Á, biết việc ông T đang khởi kiện ông Á tại Tòa án về việc tranh chấp lối đi chung. Nguồn gốc đất trước đây là của vợ chồng tôi là Triệu Thị S1 và Triệu Xuân L1 (ông L1 đã mất), mua với ông Đào Văn L2 và ông Hà Văn D vào khoảng đầu năm 2000-

2001. Khi mua các con không có đóng góp tiền, khi mua đất có 01 con đường rộng khoảng 01m đi qua đất, mọi người trong thôn vẫn thường xuyên đi lại cho đến khi thôn mở đường dân sinh thì mới không đi nữa. Sau khi mua đất vợ chồng tôi chia làm hai phần, phần của tôi chung với ông T, phần của ông là chung với ông Á, vợ chồng tôi dựng 01 căn nhà nhỏ để sống riêng, vợ chồng tôi và gia đình ông T vẫn đi lại con đường qua khu đất của ông Á. Khi ông T và ông Á được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Á mở rộng ruộng và phá con đường đi qua đất có từ lâu, từ đó gia đình tôi và gia đình ông T được ông Á cho đi lại qua bờ ao để vào nhà. Sau khi ông L1 chết giữa ông T và ông Á phát sinh mâu thuẫn lúc này tôi về ở với ông Á. Sau đó ông Á chặn lối đi bờ ao không cho nhà ông T đi lại nữa, ông T phải xin hàng xóm mở đường cho đi nhờ để vào nhà. Hiện nay ông T khởi kiện tôi yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà *Triệu Thị T1 trình bày*: bà là vợ của Triệu Đức T, chị dâu của Triệu Quang Á, tôi kết hôn với ông T vào năm 1990. Năm 2001 ông T và bố mẹ góp tiền mua chung khu đất với ông Đào Văn L2, trên khu đất gia đình tôi mua có một con đường đã có từ lâu, khi tôi về làm dâu cũng đi con đường này. Sau một thời gian bố mẹ chồng tách một phần đất này cho ông Á. Năm 2011 thôn T làm đường khác để tránh lũ nên mọi người không còn đi con đường này nhiều nữa. Năm 2013 khi hai gia đình đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T có bảo ông Á tách riêng con đường này ra và thể hiện trên bản đồ tuy nhiên ông Á bảo cứ gộp vào, gia đình tôi cũng không có ý kiến gì. Năm 2014 gia đình tôi đổ bê tông đoạn đường này rộng 1,5m để đi lại cho dễ dàng hơn. Khoảng 01 năm sau ông Á phá con đường để mở rộng ruộng và nói với gia đình tôi là sẽ để gia đình tôi đi lại con đường khác qua bờ ao trước cửa nhà ông Á, từ đó gia đình tôi đi lại con đường qua bờ ao nhà ông Á cho đến năm 2024. Sau khi bố chồng tôi mất thì hai anh em phát sinh mâu thuẫn và tranh chấp, từ tháng 4/2024 gia đình ông Á rào lại đường và không cho đi qua. Từ đó đến nay gia đình tôi phải xin hàng xóm mở đường cho đi nhờ trong thời gian giải quyết tranh chấp. Con đường hiện nay chỉ đi nhờ và đi lại khó khăn, vòng vèo và dốc cao, trời mưa không thể đi xe máy được. Con đường đi lại trước đây là đường dân sinh liên thôn, mọi người trong thôn đều đi lại, đường qua trước nhà ông Á từ năm 2014 đến năm 2024 thì rộng khoảng 1,5m, sau đó bờ ao lở dần nên đường bị thu hẹp lại còn không đến 1m, đi lại khó khăn. Đường này hàng ngày bà con vẫn đi lại lấy củi, thăm đồi cây, từ khi ông Á ngăn cản không cho đi thì bà con lại đi nhờ theo con đường mà gia đình tôi xin hàng xóm cho đi nhờ. Tôi xác định đường đi qua nhà ông Á là thuận tiện nhất cho việc đi lại của gia đình tôi và bà con hàng xóm, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Đức T.

- Ông *Triệu Ngọc S ngày 29/11/2025*: Tôi nhất trí yêu cầu khởi kiện của bố Triệu Đức T về việc mở lối đi qua thửa đất của chú Á để vào nhà của tôi và bố mẹ

tôi. Nhà của tôi xây năm 2018, là của tôi và vợ là La Thị H1, gia đình tôi đăng ký thường trú trong hộ của bố tôi. Thửa đất số 18 vẫn đứng tên ông nội của tôi tuy nhiên ngày 31/8/2022 ông nội Triệu Xuân L1 và bà nội Triệu Thị S1 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho tôi, tại Phòng C. Hiện tôi chưa làm thủ tục sang tên. Hiện tôi cùng bố mẹ đi nhờ qua thửa đất số 19 tờ bản đồ số 48 của ông Phạm Văn T3 sau đó qua thửa đất số 17 của ông Triệu Quang Á, tiếp đến qua thửa đất lâm nghiệp của ông Phạm Văn T3 mới đến thửa đất số 18 của ông Triệu Xuân L1 đứng tên. Trước năm 2024 gia đình tôi đi lại vào nhà bằng con đường từ bờ suối K đi lên vào thửa số 17 của ông Á rồi qua cửa nhà, bờ ao nhà ông Á đến thửa đất số 15 của bố Triệu Đức T rồi đi vào nhà tôi ở thửa đất số 18. Khi ông Á san ủi đường cũ thành ruộng thì có cho gia đình tôi đi lại qua trước cửa nhà ông Á, sau đó qua bờ ao của ông Á để vào đất của gia đình tôi. Lối đi gia đình tôi đi lại từ năm 2017 đến 2024 có chiều dài khoảng 25m, chiều rộng đoạn rộng nhất là khoảng 02m (đoạn từ bờ suối đến trước cửa nhà ông Á), đoạn hẹp nhất là 1,6m (đoạn qua bờ ao).

- Bà La Thị H1 trình bày: Tôi là con dâu của ông Triệu Đức T, tôi và ông S có một căn nhà cấp bốn trên thửa đất số 18 tờ bản đồ số 48 được ông nội là ông Triệu Xuân L1 và bà nội là Triệu Thị Sỷ tặng cho ngày 31/8/2022, trước năm 2024 gia đình tôi đi lại bằng con đường từ bờ suối K lên thửa đất số 17 tờ bản đồ số 48 của ông Triệu Quang Á, qua trước cửa nhà ông Á, tiếp đến qua bờ ao nhà ông Á, rồi đến thửa đất số 15, tờ bản đồ 48 của ông T rồi mới đến thửa đất của tôi. Trước đây có một con đường mòn cả thôn đi lại qua thửa đất số 17 của ông Á, nhưng đến năm 2017 ông Á san ủi thành 02 thửa ruộng thì các hộ trong thôn đi lại con đường khác, còn gia đình tôi đi lại qua trước cửa nhà ông Á. Hiện nay tôi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc mở lối đi qua thửa đất của ông Á để vào nhà tôi và nhà bố mẹ tôi.

- Bà Triệu Thị Phương trình B1: Tôi là vợ của ông Triệu Quang Á, là em dâu của ông Triệu Đức T. Kết hôn với ông Á năm 2006. Sau khi kết hôn với ông Á tôi về sống tại thôn B, xã M. Đến khoảng năm 2007 bố mẹ chia đất bằng miệng cho hai anh em, ông T nhận phần ngoài, ông Á nhận phần trong liền kề với nền nhà của ông L1, lúc đó vợ chồng tôi vẫn sống chung với bố mẹ tại nhà cạnh nhà ông T hiện nay còn ông T sống ở nhà hiện tại. Cả bố mẹ và gia đình ông T, gia đình tôi đều sử dụng con đường cạnh bờ suối, men bãi soi để đi lại. Đến năm 2013 khi hai gia đình đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T mới đổi ý muốn lấy phần đất ở phía trong, giữa ông T và ông Á phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhưng vẫn nhất trí đổi. Hai bên thống nhất đổi đất cho nhau và thỏa thuận ông Á để đường ven bãi soi cho gia đình ông T đi lại còn ông T để đường nương sát bãi soi để gia đình tôi lấy nước vào ruộng. Khoảng năm 2015 gia đình tôi cải tạo bãi soi để làm ruộng, trong quá trình cải tạo thì cháu S con ông T có xuống xin vợ chồng tôi đổi 2m chiều rộng dọc theo đường biên giữa hai nhà để lấy một lối đi vĩnh viễn qua bờ ao của gia đình tôi nhưng

ông T và bà T1 không đồng ý. Nhưng gia đình ông T vẫn đi qua bờ ao nhà tôi. Năm 2024 mâu thuẫn giữa hai gia đình nên gia đình tôi không cho ông T đi nhờ qua bờ ao của gia đình nữa. Hiện nay gia đình ông T đang đi nhờ đất của người khác qua sau nhà tôi, trước đây chưa mở đường dân sinh phía bên kia bờ suối thì mọi người trong thôn đi nương rẫy đều đi lại qua bãi soi sát bờ suối. Từ khoảng năm 2004 thì chỉ còn ba gia đình chúng tôi đi lại. Để đi từ nhà ông T ra đường vẫn có thể qua bờ ruộng sát bờ suối tuy nhiên hiện nay mâu thuẫn căng thẳng nên gia đình chúng tôi không để cho gia đình ông T đi nữa.

Những người làm chứng:

- Ông Phạm Văn L trình bày: Từ khi tôi sinh ra, lớn lên đã thấy có con đường rộng khoảng 2,5 m đi qua đất của ông Á và ông T, con đường đã có từ lâu mọi người trong thôn vẫn thường xuyên đi lại con đường này. Khoảng năm 2011 địa phương có mở đường dân sinh nên mọi người đi đường mới và ít qua lại đường qua đất nhà ông T, ông Á nên chỉ còn nhà ông T và ông Á thường xuyên đi lại. Sau này, thấy ông Á mở rộng ruộng và phá con đường cũ (đường trước đó mọi người vẫn thường xuyên đi lại), đồng thời gia đình ông T đi lại qua bờ ao để vào nhà.

- Bà Phạm Thị K trình bày: Từ khi tôi còn nhỏ đã thấy có con đường mòn đi qua đất của ông T và ông Á, con đường này mọi người trong thôn, xã vẫn thường xuyên đi lại, từ khi địa phương mở con đường dân sinh thì mọi người mới ít đi lại con đường này, con đường về sau này chủ yếu là gia đình nhà ông T và gia đình ông Á đi lại thường xuyên, về sau thấy ông Á mở rộng ruộng và phá đường này đi và gia đình ông T ở phía bên trong phải đi qua bờ ao của ông Á để vào nhà, đến năm 2024 không hiểu nguyên do gì gia đình ông Á rào lại không cho gia đình ông T đi qua, gia đình ông T phải xin nhà hàng xóm mở đường đi qua vườn quýt để vào nhà.

- Ông Triệu Văn T2 trình bày: Tôi sống tại khu vực này từ năm 1994, khi tôi chuyển đến đây ở đã thấy có con đường đất nhỏ, mọi người trong thôn cùng đi lại thường xuyên, đường đi qua đất nhà ông L2 và đất nhà ông D về sau này ông L2 và ông D bán lại cho ông L1 và bà S1, khi ông L1 và bà S1 chuyển đến ở vẫn có đường đi lại. Sau này địa phương mở đường khác mọi người mới ít đi lại và chủ yếu là gia đình ông T và ông Á đi lại vào nhà (đường đi qua trước nhà ông Á bây giờ). Đường hiện nay ông Á đã phá, san ủi thành ruộng, sau khi phá đường gia đình ông T phải đi qua bờ ao của gia đình ông Á để vào nhà, khoảng một năm gần đây không hiểu nguyên do gì gia đình ông Á rào bờ ao không cho gia đình ông T đi qua, ông T phải xin mở đường đi qua đất hàng xóm để vào nhà.

- Ông Hà Văn D trình bày: Khu đất hiện nay gia đình ông T và ông Á đang quản lý và sử dụng trước đây là của gia đình tôi đã quản lý và sử dụng, trồng cây từ năm

1980. Đến khoảng năm 2000 ông Triệu Xuân L1 mua lại với giá 7.000.000 đồng. Khi gia đình tôi quản lý, sử dụng đã có một con đường mòn để hàng xóm mọi người cùng đi lại, sau này khi địa phương có mở đường dân sinh khác thì mọi người mới ít đi lại con đường này, nay con đường sau này do ông Á san ủi mở rộng ruộng, gia đình nhà ông T phải đi lại qua bờ ao nhà ông Á, đến khi ông Á rào lại bờ ao ông T phải xin hàng xóm mở đường khác để đi vào nhà.

- Ông Phạm Văn T3 trình bày: Tôi với ông T và ông Á không có quan hệ anh em, họ hàng và không có mâu thuẫn gì. Theo tôi nắm được thì trước đây có 1 con đường đi chung qua trước nhà ông Á, bà con trong thôn và gia đình tôi đi lại qua đường này để sinh hoạt, sản xuất, Sau đó Nhà nước mở con đường khác nên gia đình tôi và bà con trong thôn không đi đường này nữa, chỉ còn gia đình ông T đi qua đường này. sau này ông Á phá đi để làm ruộng, ông T phải đi nhờ qua đất nhà ông Á để vào nhà. Năm 2024 ông T và ông Á xảy ra mâu thuẫn, ông Á không cho ông T đi qua nhà ông Á nữa nên ông T đến gia đình tôi xin mở 1 con đường qua đất của tôi để vào nhà, tôi đồng ý để cho ông T mở lối để đi lại khi nào giải quyết xong việc tranh chấp tôi không cho đi nhờ nữa.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Thái Nguyên đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254/ Bộ luật Dân sự 2015; Điều 95, Điều 171/Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Đức T. Buộc ông Triệu Quang Á phải trả lại diện tích lối đi chung 77,4m², tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084 cấp ngày 05/11/2013, địa chỉ: P, thôn Bản Pá, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên).

Ông Triệu Đức T được sử dụng phần đất có diện tích là 77,4m² để làm lối đi chung được giới hạn bởi các mốc từ 19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29, 30,31,19 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái nguyên, có sơ đồ kèm theo bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Triệu Đức T, ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P có trách nhiệm đến cơ quan quản lý đất đai đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084, ngày 05/11/2013 cho hộ ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P.

Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm chính lý, bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 do UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 05/11/2013 cho hộ ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P phân lồi đi chung có diện tích 77,4m².

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 bị đơn Triệu Quang Á kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên, đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Yêu cầu HĐXX sửa bản án số 13/2025/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên với các lý do: Đất do bố mẹ ông mua của ông L2 và ông D không có đường đi, mọi người men theo bờ suối để đi. Lối đi ông cho gia đình ông T đi từ năm 2015 nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ông và ông chỉ cho đi nhờ. Con đường hiện tại nhà ông T đang đi nhờ qua đất của hàng xóm cũng khá tiện lợi, chỉ có một đoạn là dốc tức, chỉ cần cải tạo thêm là đi được. Hiện nay người dân trong làng không ai đi qua lại lối đi hiện đang có tranh chấp. Trường hợp phải mở lối đi thì buộc nhà ông T đền bù số tiền 30.000.000 đồng.

Nguyên đơn có ý kiến: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà T1 nhất trí với ý kiến của ông T; bà P nhất trí với ý kiến của ông Á.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1]. Xét kháng cáo của đương sự: làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt và đều không có kháng cáo. Quá trình giải quyết tại sơ thẩm đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. HĐXX xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[III]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn HĐXX thấy rằng:
Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng sử dụng lối đi chung:

Năm 2001 ông Triệu Xuân L1 và bà Triệu Thị S1 mua của ông Đào Văn L2 và ông Hà Văn D một khu đất ở và đất vườn, sau khi mua xong ông L1 và bà S1 chia khu đất trên làm 03 phần cho ông bà và các con, đến năm 2008 thì được cấp Giấy CNQSDĐ. Cụ thể ông L1, bà S1 quản lý, sử dụng 543m² đất, trong đó có 300m² đất ở và 243m² đất vườn; ông Triệu Đức T và bà Triệu Thị T1 được chia 1468m² đất trong đó có 300m² đất ở và 1168m² đất vườn; ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P được chia 895m² đất, trong đó 300m² đất ở và 595m² đất vườn.

Đến năm 2013 đo đạc để cấp lại, cấp đổi Giấy CNQSDĐ thì ông Triệu Xuân L1 và bà Triệu Thị S1 được cấp GCNQSDĐ số BU 256085 cấp ngày 05/11/2013, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Khu Ổ, thôn Bản Pá, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; diện tích 885,2m², trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 585,2m² đất trồng cây lâu năm khác. Ông Triệu Đức T và bà Triệu Thị T1 được cấp GCNQSDĐ số BU 256083 cấp ngày 05/11/2013, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 48,; địa chỉ: P, thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; diện tích 1656,3m², trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 1356,3m² đất trồng cây lâu năm khác. Ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P được cấp GCNQSDĐ số BU 256084 cấp ngày 05/11/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48,; địa chỉ: P, thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; diện tích 1182,8m², trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 882,8m² đất trồng cây lâu năm khác.

Trước khi ông L1 mua khu đất trên thì đã có một lối đi chung cho mọi người trong thôn, xã sử dụng đi lại để lao động, sản xuất. Sau khi chia đất thì đất của ông L1 và ông T ở phía trong, để vào nhà phải đi qua lối mòn trên đất của ông Triệu Quang Á. Năm 2011 thôn T, xã M mở con đường khác tránh lũ nên mọi người trong thôn không đi lại con đường này, chỉ có gia đình ông L1 và ông T đi đường này để vào nhà. Năm 2015 ông Á phá con đường này để mở rộng ruộng và để gia đình ông L1 và ông T đi lại con đường khác qua trước cửa nhà và bờ ao của ông Á đi vào nhà. Năm 2023 thì ông L1 chết, đến tháng 4/2024 thì giữa gia đình ông T và gia đình ông Á phát sinh mâu thuẫn, ông Á đã rào đường lại, không cho gia đình ông T đi lại qua

đất của nhà ông Á nữa. Từ đó đến nay ông T phải xin hàng xóm là ông Phạm Văn T3 mở đường qua đất của ông T3 cho đi nhờ để vào nhà.

Những người làm chứng Phạm Văn L, Triệu Văn T2, Phạm Văn T3 và Phạm Thị K đều khẳng định trước đây đã có một con đường qua thửa đất số 17 để đi vào thửa đất số 15 và qua thửa 18 vào nhà ông T, đây là đường dân sinh, tất cả người dân trong làng đều đi, năm 2011 khi xã làm đường dân sinh khác thì người dân con đường này chỉ còn chủ yếu là gia đình ông T, ông Á và gia đình ông L1 đi lại. Năm 2015 ông Á đã san lấp để làm ruộng đồng thời để gia đình ông T đi qua con đường từ bờ suối vào thửa đất số 17 để vào thửa đất số 15 (đường đi qua cạnh bờ ao). Người làm chứng Hà Văn D, chủ sử dụng trước đây của thửa đất cũng khẳng định gia đình ông sử dụng thửa đất từ những năm 1980 và lúc đó trên đất cũng có một lối đi chung trên đất của ông Á hiện nay, chỉ khi xã làm đường khác thì mới ít người đi lại.

Ủy ban nhân dân xã T cũng xác nhận việc có một con đường trên đất của ông Á được sử dụng làm lối đi chung, năm 2013 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không tách con đường ra riêng.

Như vậy, các thửa đất số 15 của ông Triệu Đức T, thửa số 17 của ông Triệu Quang Á và thửa số 18 hiện đứng tên ông Triệu Xuân L1 trước đây là của ông L1 và bà S1 chia cho ông T và ông Á mỗi người một phần là các thửa đất 17 và 15 hiện nay. Thời điểm chia đất trên đất vẫn có đường đi và việc đi lại của gia đình ông T qua thửa đất số 17 chỉ khác về vị trí lối đi do khi ông T phá đường đi có từ trước và để gia đình ông T đi đường khác, việc đi lại không có gián đoạn cho đến tháng 4 năm 2024 khi ông Á rào đường và không cho đi nữa. Tại phiên tòa ông Á cũng xác nhận đã cải tạo con đường thành ruộng và hiện nay ông đang quản lý sử dụng thửa ruộng đó.

Từ các phân tích trên có đủ cơ sở để khẳng định trước đây có con đường mòn dân sinh làm lối đi chung để vào nhà của ông Triệu Đức T. Năm 2015 ông Á đã san lấp để làm ruộng đồng thời để gia đình ông T đi qua con đường từ bờ suối vào thửa đất số 17 để vào thửa đất số 15 (đường đi qua cạnh bờ ao) và nhà ông T đã sử dụng con đường này cho đến khi gia đình ông Á không cho đi qua nữa.

Về lối đi thực tế hiện nay gia đình ông T đang đi qua thì sau khi đi từ bờ suối vào đất của ông T3 thì vẫn phải đi qua thửa số 17 để vào nhà ông T ở thửa số 18, lối đi này có đoạn dốc tức, đi lại khó khăn, gia đình ông T3 cũng chỉ cho gia đình ông T đi nhờ qua lối đi này. Đối với con đường mòn đi qua thửa đất số 17 trước đây mà hiện ông Á đã phá đi để làm ruộng, nếu mở lại đường ở vị trí này để ông T đi vào thửa đất số 15 và 18 thì sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất và chia nhỏ đất ông Á đang sử dụng. Vì vậy, để vào thửa đất số 15 và nhà ở của gia đình ông T ở thửa số 18 thì đi qua từ bờ suối vào thửa số 17 của gia đình ông Á theo con đường gia đình ông T đã đi từ năm 2015 đến đầu năm 2024 là thuận tiện và hợp lý. Ngoài con đường trên không còn con đường nào khác.

Về yêu cầu đền bù số tiền 30.000.000 đồng của bị đơn, HĐXX xét thấy tại thời điểm ông L1, bà S1 chia đất cho các con đã có lối đi và lối đi này ông Á đã cải tạo thành ruộng vào năm 2015 nên ông Á phải có trách nhiệm mở lối đi khác cho gia đình ông T do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đền bù số tiền trên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ, căn cứ vào Điều 254/BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng khẳng định lối đi chung mà tòa án sơ thẩm đã tuyên không chỉ có gia đình nguyên đơn đi mà cả gia đình bị đơn cũng sử dụng một phần để vào nhà của bị đơn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định cho nguyên đơn được quyền sử dụng toàn bộ diện tích lối đi trên là không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn do đó HĐXX sẽ tuyên lại nội dung này.

[III]. Về án phí:

Căn cứ Điều 148/BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Triệu Quang Á, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thái Nguyên. Cụ thể:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Đức T. Buộc ông Triệu Quang Á phải trả lại diện tích lối đi chung 77,4m², tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084 cấp ngày 05/11/2013, địa chỉ: P, thôn Bản Pá, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên), được giới hạn bởi các mốc 19,20,21,22,23,24,25,26,27,28, 29, 30,31,19 (theo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái nguyên, có sơ đồ kèm theo bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Triệu Đức T, ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P có trách nhiệm đến cơ quan quản lý đất đai đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084, ngày 05/11/2013 cho hộ ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P.

Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm chỉnh lý, bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 256084 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 48 do UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 05/11/2013 cho hộ ông Triệu Quang Á và bà Triệu Thị P phần lõi đi chung có diện tích 77,4m².

2. Về chi phí tố tụng: Ông Triệu Quang Á phải trả số tiền 5.400.000^d (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho ông Triệu Đức T chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà ông T đã chi trả trước.

Về nghĩa vụ chậm trả: *“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.*

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Triệu Quang Á phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Triệu Đức T 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001941 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thái Nguyên).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Quang Á phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000186 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 6 - TN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 6 - TN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lý Thị Thúy

Nơi nhận:

- TAND khu vực 2;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy

